TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/DS-PT

Ngày : 11/6/2024

V/v "Tranh chấp về Hụi (huê)"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Trang

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Trang và bà Trần Thị Dịu

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Phạm Quang Trung – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận: Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 3 năm 2024 về *"Tranh chấp về Hụi (Huê)"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1960 (theo giấy ủy quyền ngày 18/3/2024), (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố G, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Vì hoàn cảnh chồng bà bị bệnh tai biến đã 14 năm nên bà có có mở các dây huê để kiếm tiền sinh sống qua ngày. Vào năm 2019 bà Nguyễn Thị Thu H (thường gọi là Bé T1) có xin bà vô chơi tổng cộng 12 phần huê gồm dây huê 05 triệu đồng bà H chơi 02 phần, dây huê 3.000.000 đồng bà H chơi 06 phần và dây huê 01 triệu đồng bà H chơi 04 phần. Cụ thể như sau:

Dây huê 5.000.000 đồng xổ huê vào ngày 20/7/2019, mãn huê ngày 20/3/2021. Bà H chơi 02 phần gồm 21 người chơi. Ngày 20/7/2019 bà H hốt lần thứ nhất 01 phần huê 5.000.000 đồng. Hàng tháng khi tới ngày đóng huê thì bà đem tiền tới nhà đóng theo kỳ huê. Ngày 20/7/2020 bà có hốt thêm 01 phần. Như vậy hàng tháng bà phải đóng huê "chết" là 10.000.000 đồng, khi bà hốt huê lần thứ 2 thì dây huê 5.000.000 đồng còn lại 08 lần bà phải đóng là 80.000.000 đồng nhưng bà chỉ đóng được 02 lần là 20.000.000 đồng, còn lại 06 lần là 60.000.000 đồng từ ngày 20/10/2020 bà H không đóng nữa.

Dây huê 3.000.000 đồng, xổ huê vào ngày 10/5/2020, mãn huê ngày 10/2/2022. Bà H chơi 06 phần. Bà hốt 03 phần huê, do vậy hàng tháng bà phải đóng 9.000.000 đồng huê "chết" và 03 phần huê sống. Nhưng bà chỉ mới đóng được 05 lần (tháng 5, 6, 7, 8, 9). Từ ngày 10/10/2020 còn lại 17 lần bà H không đóng nữa. Số tiền nợ huê 17 lần là 153.000.000 đồng.

Dây huê 1.000.000 đồng sổ huê vào ngày 25/6/2020, mãn huê vào ngày 25/9/2021 gồm 31 phần huê. Bà H chơi 04 phần, xổ huê mỗi tháng 02 lần vào ngày 10 và 25 hàng tháng. Ngày 10/7/2020 bà H hốt 02 phần, bà đã đóng được 2.000.000 đồng tiền huê "chết" và 02 phần huê sống, tổng cộng đã đóng được 05 lần, từ ngày 10/10/2020 bà H không đóng huê nữa. Số tiền nợ huê 24 lần là 48.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền huê bà H còn thiếu trong các dây tổng cộng là 261.000.000 đồng. Tuy nhiên bà H đã đóng được các phần huê sống là 49.000.000 đồng, bà đồng ý cấn trừ nghĩa vụ, hiện tại bà H còn thiếu nợ bà là 212.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà H trả cho bà số tiền 212.000.000 đồng.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà và bà Đ là hàng xóm thân thiết với nhau, trước năm 2017 bà H có chơi 01 phần huê 3.000.000 đồng của bà Đ, bà Đ có đến nhà bà thu tiền và nhã ý nhờ bà kêu gọi các con huê chơi huê cho bà. Bà có nói "con chỉ biết một số chị em ở M để khi nào mãn huê bên T2 (là em chồng của bà) thì con sẽ rủ giùm cho cô". Sau khi mãn huê bà có rủ một số chị em trong đó có bà Bùi Thị L (chị Tư L1) ở M chơi huê. Do thường xuyên đi bỏ hàng may gia công ở Đ nên bà Đ có nhờ bà thu tiền huê và giao tiền huê cho các con huê ở Đ. Đồng thời bà có chơi 01 phần huê 3.000.000 đồng xổ huê vào ngày 10/5/2020 của bà Đ nhưng dây huê này đã mãn và bà đã đóng huê đầy đủ. Bà xác nhận giấy nhận tiền huê mà bà Đ nộp cho Toà án là bà ký xác nhận vì trước đây trong một lần nhờ bà đưa tiền cho bà L1, bà không kiểm tra lại tiền nên bị thiếu 01 tờ 500.000 đồng. Vì vậy kể từ những

lần sau bà Đ sợ bà nói qua nói lại nên cứ nhận dùm tiền cho bà L1 thì bà phải ghi đã nhận đủ vào trong giấy. Việc bà L1 và bà Đ thoả thuận chơi huê nhưng thế nào thì bà không rõ, hai bên có gọi điện thoại cho nhau, bà chỉ là người tiện đường nên giao giùm tiền huê cho bà Đ đến tay bà L1. Do vậy bà không nợ bất kỳ khoản tiền huê nào nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào: Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố dụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 212.000.000 đồng *(Hai trăm mười hai triệu đồng)*.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại giai đoạn phúc thẩm bà Nguyễn Thị Thu H đề nghị đưa bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1966 vào tham gia tố tụng. Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/5/2024 bà Bùi Thị L thừa nhận có chơi các dây huê của bà Đ thông qua bà H và thừa nhận có nợ tiền huê.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn, bị đơn có lời trình bày khác nhau về người chơi huê, nợ huê của bà Đ và bằng mắt thường cũng nhận ra rằng các tài liệu do nguyên đơn cung cấp có nhiều dấu tẩy xóa tên người chơi huê tại các Giấy hốt huê và Danh sách chơi huê. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ nhưng căn cứ vào lời khai và tài liệu của nguyên đơn để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là sai sót trong đánh giá chứng cứ, dẫn đến áp dụng pháp luật không chính xác. Tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã triệu tập được bà

Nguyễn Thị L2 và bà L2 đã xác nhận bà L2 mới là người chơi huê, bà H chỉ xựng huê, giao tiền giùm, toàn bộ số tiền nợ huê bà Đ khởi kiện bà H, bà L2 là người nợ, đồng thời cung cấp cho Tòa án tờ giấy hốt huê ngày 10/5/2020 bà Đ ghi "Chị Tư B". Do đó có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị Thu H không nợ huê của bà Nguyễn Thị Đ. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bà L2 không thừa nhận số tiền nợ huê như bản án sơ thẩm. Do chưa thống nhất về số tiền nợ huê và bà L2 thay đổi ý kiến và không đồng ý trả nợ cho bà Đ. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của bà L2, cần phải hủy bản án sơ thẩm nêu trên giao lại cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung. Đề nghị áp dụng khoản 3 điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Bị đơn nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ, đã nộp tạm ứng án phí nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đầy đủ quan hệ tranh chấp, vụ án thuộc phạm vi, thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải là có căn cứ, đúng quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự .

Về sự tham gia của đương sự: Tại giai đoạn sơ thẩm bà H xác định các dây huê bà Đ khởi kiện bà H không phải là người chơi mà chỉ chỉ đi xổ huê và giao tiền hốt huê cho bà Bùi Thị L, năm sinh khoảng 1972 đến 1973, do nợ nần đã bỏ địa phương đi và bà không liên lạc được. Biên bản xác minh ngày 03/01/2024 tại Công an phường M, TP . - T cho biết: "Trên địa bàn có bà Bùi Thị L sinh năm 1966, không có bà Bùi Thị L sinh năm 1973. Hiện nay bà Bùi Thị L không có mặt ở địa phương". Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập và đưa bà L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng, tuy nhiên cấp phúc thẩm đã triệu tập được và lấy lời khai của bà L nên vi phạm này đã khắc phục được, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Xét kháng cáo của Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H, nhận thấy:

Các bên đương sự đều thừa nhận: Bà Nguyễn Thị Thu H có chơi huê do bà Nguyễn Thị Đ làm chủ cái và lấy tên là "Bé Tích", các giấy tờ biên nhận tiền hốt huê là do bà H ký và nhận. Thỏa thuận chơi huê có lãi, có hưởng hoa hồng. Các dây huê tính đến thời điểm khởi kiện đã chấm dứt. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Các dây huê bà Đ khởi kiện, bà H thừa nhận là người tham gia xổ huê của các dây huê 5.000.000 đồng, 3.000.000 đồng, 1.000.000 đồng và cũng là người xựng huê hàng tháng, nộp tiền huê. Bà H thừa nhận các giấy giao nhận tiền hốt huê do bà H trực tiếp ký và viết, gồm: giấy ngày 20/7/2020, 22/7/2019 (huê 5.000.000 đồng, tổng 2 lần nhận 159.900.000 đồng), ngày 12/5/2020 (huê 3.000.000 đồng nhận 140.400.000 đồng), ngày 11/7/2020 (huê 1.000.000 đồng nhận 46.240.000 đồng) và cho rằng bà chỉ là trung gian cho bà Bùi Thị L (Tư Lệ) còn việc hốt huê, chơi huê như thế nào là giữa bà Đ bà L tự giao dịch thỏa thuận với nhau, tuy nhiên bà H không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh theo theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án".*

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Bùi Thị L khai nhận có chơi huê thông qua bà H nhưng giữa bà và bà Đ chưa từng gặp mặt, bà cũng chưa từng đi xổ huê, xựng huê hàng tháng, bà không đồng ý trả nợ huê cho bà Đ mà chỉ đồng ý trả nợ huê cho bà H. Lời khai nhận của bà L phù hợp với lời khai của bà Đ về việc giữa hai bên chưa từng thỏa thuận, giao kèo chơi huê. Ngoài ra giữa bà Đ, bà H cũng không có thoả thuận nào về việc cho bà H chơi huê, hốt huê giùm cho bà L. Đồng thời, bà L cũng không cung cấp được tin nhắn, điện thoại trao đổi về việc chơi huê với bà Đ.

[2.1] Đối với huê 1.000.000 đồng xổ vào ngày 25/6/2020, mỗi tháng 02 lần vào ngày 10 và 25 hàng tháng, có 02 dây huê, mỗi dây gồm 31 phần. Bà Đ xác định bà H "Bé T1" chơi 04 phần. Ngày 10/7/2020 hốt 02 phần, đã đóng được 07 phần, còn lại 24 phần chưa đóng tương ứng 48.000.000 đồng [cách tính: (24 phần x 1.000.000 đồng) x 2].

Bà L thừa nhận có chơi 2 phần dây huê 1.000.000 đồng thông qua bà H nhưng cho rằng đã góp đủ và không nhớ chính xác ngày xổ huê, mãn huê. Bà H không chứng minh được bà L là người chơi hết 4 phần huê và các giấy tờ chơi huê, biên nhận tiền hốt huê đều ghi tên " Bé T1", do đó có cơ sở xác định bà H là người chơi và phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền chưa đóng là 48.000.000 đồng cho bà Đ. Đối với 2 phần huê còn lại đã góp nhưng chưa hốt huê, dây huê đã chấm dứt, vì vậy bà Đ là chủ cái phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà H được nhận lại các phần huê đã góp tương ứng số tiền là 14.000.000 đồng [cách tính: (7 phần x 1.000.000 đồng) x 2]. Cấn trừ nghĩa vụ, bà H còn phải thanh toán cho bà Đ số tiền là 34.000.000 đồng.

[2.2] Đối với huê 5.000.000 đồng/tháng gồm 21 phần, xổ huê ngày 20/7/2019. Nguyên đơn xác định bị đơn bà H chơi 2 dây, mỗi dây 1 phần. Cả hai

dây đều đã hốt, đóng được 15 phần, còn lại 06 phần chưa đóng. Số tiền chưa đóng là 60.000.000 đồng.

Đối với huê 3.000.000 đồng/tháng gồm 22 phần, xổ huê ngày 10/5/2020, nguyên đơn xác định bị đơn chơi 03 dây huê gồm 06 phần. Ngày 12/5/2020 hốt 03 phần huê, đã đóng được 05 phần, còn lại 17 phần chưa đóng, số tiền chưa đóng là 153.000.000 đồng [Cách tính: (17 phần x 3 .000.000 đồng) x 3].

Xét tại giấy tờ thể hiện các dây huê 5.000.000 đồng/tháng và 03 dây huê 3.000.000 đồng/tháng, giấy trả tiền hốt huê do bà Đ xuất trình đều thể hiện người chơi là "Bé T1" nhưng các giấy tờ này có dấu hiệu sửa chữa và tẩy xóa, cụ thể: Giấy hốt huê ngày 22/7/2019 tên "Tư chị Bé T1" đã bị xóa mờ "Tư chị" còn lại chữ "Bé Tích"; Giấy hốt huê ngày 20/7/2019 tên "chị Bé T1" đã bị xóa mờ "chị" còn lại chữ "Bé Tích"; Giấy hốt huê ngày 12/5/2020 tên "chị Tư Bé T3" đã bị xóa mờ "chị T4" còn lại chữ "Bé T3". Lý giải về việc xóa, sửa này nguyên đơn bà Đ cho rằng do bà H " Bé T3" chơi nhiều dây huê nên các hội viên không đồng ý, bà H đề nghị bà ghi tên người chơi khác một chút, sau này khi bà H không đóng huê của các phần huê đã hốt nên bà sửa lại đúng tên "Bé T3" là người chơi. Đối chiếu với biên nhận tiền huê do bà L xuất trình ở giai đoạn phúc thẩm có nội dung tiêu đề "Chị Tư B" lập ngày 10/5/2020 cũng chính là tờ giấy photo mà bà H gửi kèm khi kháng cáo. Tuy nhiên tờ giấy này bà H là người giao nộp trước khi xuất trình bản gốc, giữa bà Đ và bà L đã thừa nhận chưa gặp mặt và chưa thỏa thuận giao dịch chơi huê với nhau nên không có cơ sở xác định giấy ghi " Chị Tư B" là biên nhận tiền huê bà Đ viết cho bà Bùi Thị L. Đồng thời, các hội viên chơi huê trong các dây huê trên đều xác nhận hội viên trong các dây huê đều là người làng Lương C, không có ai sống ngoài làng. Các dây huê này bà H là người tham gia xổ huê, xựng huê hàng tháng, nộp tiền huê, giấy biên nhận tiền hốt huê là do bà H ký và nhận tiền, vì vậy phải có nghĩa vụ thanh toán phần chưa góp đủ tiền huê cho bà Đ.

Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ bà Đ cung cấp thì huê 3.000.000 đồng/ tháng, dây 1 đã đóng được 6 phần gồm các lần 1, 2, 3, 4, 5 và lần thứ 18; dây 2 và dây 3 mỗi dây 5 phần, số tiền chưa đóng là 150.000.000 đồng [Cách tính: (50 phần x 3.000.000 đồng)]. Đối với 3 phần huê còn lại đã góp nhưng chưa hốt huê, dây huê đã chấm dứt, do đó bà Đ là chủ cái phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà H được nhận lại các phần huê đã góp tương ứng số tiền là 48 .000.000 đồng [Cách tính: (16 phần x 3.000.000 đồng). Cấn trừ nghĩa vụ, bà H còn phải thanh toán cho bà Đ số tiền là 102.000.000 đồng. Cộng khoản nợ huê chưa góp đủ của dây huê 5.000.000 đồng/ tháng, tổng là 162.000.000 đồng. Trong trường hợp bà H có chứng cứ chứng minh đã chơi các phần huê này cho bà L thì sẽ khởi kiện bà L ở vụ án dân sự khác.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên; chấp nhận một phần kháng cáo của Bị đơn. Sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên tiền án phí cần sửa lại cho phù hợp. Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí sơ thẩm 9.800.000 đồng tương ứng với số tiền thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn.

Đối với phần không được chấp nhận nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm tuy nhiên thuộc diện người già nên được miễn tiền án phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 5.051.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. H1 lại cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 300.000 đồng tạm án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Cụ thể như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H về việc "Tranh chấp về H2 (Huê)"

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ H2 (Huê) là 196.000.000 đồng *(Một trăm chín mươi sáu triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu số tiền 9.800.000 đồng *(Chín triệu tám trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ 5.051.000 đồng *(Năm triệu không trăm năm mươi mốt ngàn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0001608 ngày 22/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Hải.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn lại số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000222 ngày 19/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 11/6/2024).

Nơi nhận:
- Đương sự (3);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND H. Ninh Hải(1);
- Chi cục THADS H. Ninh Hải(1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Anh Trang

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Trang **Trần Thị Dịu** **Phạm Thị Anh Trang**